

Bản án số: 201/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2024

V/v: Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Phương Q - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 174/2024/HNGĐST ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐ-ST ngày 09/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1991

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: P Đại lộ xanh Y, Y - Cho, thành phố S, Nhật Bản. (Có đơn xin xử vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền để nhận văn bản tố tụng của Toà án là ông Nguyễn Văn S và ông Trương Minh H

Địa chỉ liên hệ: Số D T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang D, sinh năm 1986

HKTT: Thôn M, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. (Có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quang D kết hôn với nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó để phát triển kinh tế gia đình, chị V đã đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản làm việc. Vì

khoảng cách xa xôi nên vợ chồng không có điều kiện gần gũi, quan tâm, chia sẻ và cả hai đã nảy sinh mâu thuẫn. Do sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Hai bên đã nhiều lần tìm cách nói chuyện, hàn gắn nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà tình trạng ngày càng trở nên gay gắt hơn dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- *Về con chung*: Chị V và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang P, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/3/2016. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh D tại xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên vọng của chị V khi ly hôn giao cả hai con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đ/ 1 tháng.

- *Về tài sản, công nợ*: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Quang D trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị V kết hôn với nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn M, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 2021 thì chị V đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Quá trình chị V ở nước ngoài, tình cảm vợ chồng phai nhạt do khoảng cách địa lý. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị V có đơn xin ly hôn, anh D thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên anh D đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang P, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/3/2016. Hiện nay 2 cháu đang ở với anh D tại xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Nguyên vọng của anh D khi ly hôn giao cả hai con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý với mức cấp dưỡng theo sự nguyện của chị V là mỗi cháu 2.000.000đ/ 1 tháng.

- *Về tài sản và công nợ*: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ : Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q1: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị V, cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Quang D; Về con chung: Giao 02 con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Quang P, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/3/2016 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đ/1 tháng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tại chứng thực số 271-SCT/CK-ĐC quyền số I/2024 ngày 29/8/2024 của Đ tại Nhật Bản xác nhận chị Nguyễn Thị V, số CCCD 038191005891 hiện đang tạm trú tại Nhật Bản. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Chị V và anh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Quang D kết hôn năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng hiện nay chị V đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không có điều kiện gần gũi chia sẻ tình cảm với nhau. Cả chị V và anh D đều thừa nhận tình cảm vợ chồng phai nhạt do khoảng cách địa lý và không có tiếng nói chung. Anh D cũng có ý kiến đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh D không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị V về việc xin ly hôn anh Nguyễn Quang D.

[3] Về con chung: Chị V và anh D thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang P, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/3/2016. Tại bản tự khai, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy: Anh D có nguyện vọng được nuôi cả hai con còn chị V đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, chị V cũng đồng ý giao 02 con cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng nên HĐXX thấy việc giao 02 con chung chưa thành niên của vợ chồng cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như phù hợp với nguyện vọng của 2 cháu và đúng với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị V đi xuất khẩu lao động, có thu nhập. Chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000đ/ 1 tháng. Anh D cũng đồng ý với mức cấp

dưỡng này của chị V nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị V. Do đó, chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đ/ 1 tháng kể từ khi xét xử sơ thẩm cho đến lúc các cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản: Chị V và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V được ly hôn anh Nguyễn Quang D.

- Về con chung: Công nhận chị V và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang P, sinh ngày 14/3/2012 và cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 17/3/2016. Giao cháu P và cháu T cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000đ (Hai triệu đồng) 1 tháng kể từ tháng 12 năm 2024 đến khi cháu P và cháu T đủ 18 tuổi.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị V và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 000571 ngày 08/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị V còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: Anh D vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Chị V vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Đông Hải, TP Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Tòa HNGĐ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Anh

